

LỊCH NĂM HỌC/SCHOOL CALENDAR 2025-2026

THÁNG 8/AUGUST KINDNESS & ANTI-BULLYING

Tuần Week	T2 Mon	T3 Tue	T4 Wed	T5 Thurs	T6 Fri	T7 Sat	CN Sun
1					1	2	3
2	4	5	6	7	8	9	10
3	11	12	13	14	15	16	17
4	18	19	20	21	22	23	24
5	25	26	27	28	29	30	31

THÁNG 9/SEPTEMBER KINDNESS & ANTI-BULLYING

Tuần Week	T2 Mon	T3 Tue	T4 Wed	T5 Thurs	T6 Fri	T7 Sat	CN Sun
6		1	2	3	4	5	6
7	7	8	9	10	11	12	13
8	15	16	17	18	19	20	21
9	22	23	24	25	26	27	28
10	29	30					

THÁNG 10/OCTOBER RESPECT & GRATITUDE

Tuần Week	T2 Mon	T3 Tue	T4 Wed	T5 Thurs	T6 Fri	T7 Sat	CN Sun
			1	2	3	4	5
11	6	7	8	9	10	11	12
12	13	14	15	16	17	18	19
13	20	21	22	23	24	25	26
14	27	28	29	30	31		

THÁNG 11/NOVEMBER RESPONSIBILITY

Tuần Week	T2 Mon	T3 Tue	T4 Wed	T5 Thurs	T6 Fri	T7 Sat	CN Sun
						1	2
15	3	4	5	6	7	8	9
16	10	11	12	13	14	15	16
17	17	18	19	20	21	22	23
18	24	25	26	27	28	29	30

THÁNG 12/DECEMBER FAMILY & GIVING

Tuần Week	T2 Mon	T3 Tue	T4 Wed	T5 Thurs	T6 Fri	T7 Sat	CN Sun
19	1	2	3	4	5	6	7
20	8	9	10	11	12	13	14
21	15	16	17	18	19	20	21
22	22	23	24	25	26	27	28
23	29	30	31				

THÁNG 1/JANUARY GOALS & GROWTH

Tuần Week	T2 Mon	T3 Tue	T4 Wed	T5 Thurs	T6 Fri	T7 Sat	CN Sun
				1	2	3	4
24	5	6	7	8	9	10	11
25	12	13	14	15	16	17	18
26	19	20	21	22	23	24	25
27	26	27	28	29	30	31	

THÁNG 2/FEBRUARY LOVE & FRIENDSHIP

Tuần Week	T2 Mon	T3 Tue	T4 Wed	T5 Thurs	T6 Fri	T7 Sat	CN Sun
28	2	3	4	5	6	7	8
29	9	10	11	12	13	14	15
30	16	17	18	19	20	21	22
31	23	24	25	26	27	28	

THÁNG 3/MARCH COURAGE & CONFIDENCE

Tuần Week	T2 Mon	T3 Tue	T4 Wed	T5 Thurs	T6 Fri	T7 Sat	CN Sun
32	2	3	4	5	6	7	8
33	9	10	11	12	13	14	15
34	16	17	18	19	20	21	22
35	23	24	25	26	27	28	29
36	30	31					

THÁNG 4/APRIL HONESTY & FAIRNESS

Tuần Week	T2 Mon	T3 Tue	T4 Wed	T5 Thurs	T6 Fri	T7 Sat	CN Sun
			1	2	3	4	5
37	6	7	8	9	10	11	12
38	13	14	15	16	17	18	19
39	20	21	22	23	24	25	26
40	27	28	29	30			

THÁNG 5/MAY PERSEVERANCE & HARD WORK

Tuần Week	T2 Mon	T3 Tue	T4 Wed	T5 Thurs	T6 Fri	T7 Sat	CN Sun
41					1	2	3
42	4	5	6	7	8	9	10
43	11	12	13	14	15	16	17
44	18	19	20	21	22	23	24
45	25	26	27	28	29	30	31

*Tổng số ngày học: 186 ngày

*Total number of student-days: 186 days/

*Tổng số ngày làm việc (GV-NV): 193 ngày

*Total number of staff-days: 193 days/

2025

- Ngày 09/08: Ngày định hướng | August 9: Orientation Day
- Ngày 11/08: Ngày bắt đầu năm học mới | August 11: First day of school
- Ngày 12 đến 15/08: Tuần lễ chống bắt nạt và an toàn | August 12 to 15: Anti-bullying & Safety week
- Ngày 18 đến 22/08: Tuần lễ chăm chỉ | August 18 to 22: Housework week
- Ngày 29/08: Bài kiểm tra hàng tháng (Cambridge) | August 29: Monthly Review (Cambridge)

- Ngày 01 đến 02/09: Nghi lễ Quốc Khánh | September 1 to 2: Independence Day off
- Ngày 05/09: Lễ khai giảng | September 5: Opening Ceremony
- Ngày 26/09: Bài kiểm tra hàng tháng (Cambridge) | September 26: Monthly Review (Cambridge)

- Ngày 6/10: Tết Trung thu | October 6: Mid-Autumn festival
- Ngày 14 đến 16/10: Kiểm tra Giữa kì khối 4 & 5 | October 14 to 16: Vietnamese Mid-term exam Grade 4 & 5
- Ngày 30/10: Bài kiểm tra hàng tháng (Cambridge) | October 30: Monthly Review (Cambridge)
- Ngày 31/10: Lễ hội Halloween | October 31: Halloween festival

- Ngày 05/11: Ngày dã ngoại | November 5: Outing day
- Ngày 20/11: Ngày Nhà giáo (Lễ kỷ niệm)/Nghỉ nửa ngày | November 20: Teacher's day (Ceremony)/Half day off

- Ngày 08 đến 10/12: Kiểm tra cuối kỳ 1 Cambridge | December 8 to 10: Cambridge 1st Semester Finals
- Ngày 15 đến 17/12: Kiểm tra cuối kỳ 1 tiếng Việt | December 15 to 17: Vietnamese 1st Semester Finals
- Ngày 18/12: Ngày văn hóa Việt Nam | December 18: Vietnamese Cultural days
- Ngày 19/12: Sự kiện Giáng sinh | December 19: Christmas event
- Ngày 22 đến 31/12: Nghỉ đông | December 22 to 31: Winter break

2026

- Ngày 01/01: Nghi lễ Năm mới | January 1: New Year's Day off
- Ngày 10/01: Hợp Phụ huynh - Giáo viên (không có học sinh) | January 10: Parent-Teacher Meeting (no students)
- Ngày 13 đến 16/01: Tuần lễ văn hóa | January 13 to 16: Culture week
- Ngày 30/01: Bài kiểm tra hàng tháng (Cambridge) | January 30: Monthly Review (Cambridge)
- Ngày 05/02: Sự kiện Tết | February 5: Tet event

- Ngày 9/2 đến ngày 20/02: Nghỉ Tết Nguyên Đán | February 9 to 20: Tet holiday
- Ngày 23/02: Trở lại trường | February 23: Back to school

- Ngày 10 đến 12/03: Kiểm tra Giữa kì khối 4 & 5 | March 10 to 12: Vietnamese Mid-term exam Grade 4 & 5
- Ngày 13/03: Ngày dã ngoại | March 13: Outing day
- Ngày 27/03: Bài kiểm tra hàng tháng (Cambridge) | March 27: Monthly Review (Cambridge)
- Ngày 30/03: Ngày hội thể thao | March 30: Sport Day

- Ngày 23/04: Ngày sách quốc tế | April 23: World Book Day
- Ngày 27/04: Giỗ tổ vua Hùng | April 27: Hung King's Commemoration Day
- Ngày 30/04: Nghi lễ Giải phóng | April 30: Reunification Day off

- Ngày 01/05: Nghi lễ Lao động | May 1: Labor Day off
- Ngày 04 - 06/05: Kiểm tra cuối kỳ II Cambridge | May 4 to 6: Cambridge Finals
- Ngày 11 - 13/05: Kiểm tra cuối kỳ II tiếng Việt | May 11 to 13: Vietnamese Finals
- Ngày 23/05: Hợp Phụ huynh - Giáo viên (không có học sinh) | May 23: Parent - Teacher Meeting (no students)
- Ngày 27/05: Ngày kịch nghệ | May 27: Drama Day
- Ngày 29/05: Lễ Tổng kết năm học | May 29: Closing Ceremony



Sự kiện & hoạt động trường/ Events & school activities



Các kì kiểm tra/ Exams



Nghỉ lễ/ Closed/ Holiday



Personal Development/ Đào tạo chuyên môn (no students)



Hợp PHHS/ Parent-Teacher Meeting (no students)